

Số: 751/TM-BVPHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Dịch vụ tư vấn lập E-HSMT, báo cáo đánh giá E-HSDT cho dự toán mua sắm
Trang phục y tế và đồ vải phục vụ bệnh nhân năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn đấu thầu

Bệnh viện Phục hồi chức năng đang triển khai thực hiện dự toán mua sắm Trang phục y tế và đồ vải phục vụ bệnh nhân năm 2025. Để có cơ sở lập dự toán, Bệnh viện Phục hồi chức năng kính mời các đơn vị tư vấn lập E-HSMT, báo cáo đánh giá E-HSDT quan tâm, cung cấp báo giá dịch vụ đấu thầu.

I. Mục đích, nội dung yêu cầu báo giá:

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán.
- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.
- Danh mục mua sắm: Có phụ lục kèm theo.

II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phục hồi chức năng

Địa chỉ: Số 35 đường Lê Văn Thiêm, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Lê Minh Tâm: Cán bộ Văn thư, Phòng Tổ chức hành chính quản trị.

Điện thoại: 02435585094

Email: bvddphcn1_soyt@hanoi.gov.vn.

3. Phương thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư Bệnh viện Phục hồi chức năng.
- Gửi đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Văn thư Bệnh viện Phục hồi chức năng.
- Nhận qua email: bvddphcn1_soyt@hanoi.gov.vn

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 15h 00 phút ngày 15/10/2025 đến trước 15h 00 phút ngày 20/10/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.



Rất mong được sự quan tâm của các Quý công ty. Bệnh viện Phục hồi chức năng xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Việt Hà

PHỤ LỤC

Danh mục “Trang phục y tế và đồ vải phục vụ bệnh nhân năm 2025”

(Kèm theo Thư mời báo giá số 751/TM-BVPH/CN ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Phục hồi chức năng)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Trang phục Bác sĩ	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	44	
2	Trang Phục Dược sĩ	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi K.T sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1)	Bộ	10	

STT	Tên hàng hóa	Tên chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		+ Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái			
3	Trang phục Điều dưỡng	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi K.T sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	112	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
4	Trang phục Kỹ thuật viên	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2)+ Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	50	
5	Trang phục Hộ lý	- Màu sắc: Màu xanh hoà bình - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (64±1)% Polyester; (36±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 158 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 252 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 (±2); Ngang: 57 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -2,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	6	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
6	Trang phục Giáo viên	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 (có lẻ màu xanh ngọc vào cổ tay túi) - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	8	
7	Quần áo bảo vệ	- Chất liệu: Kaki - Màu sắc: Màu xanh đen - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (92±1)% Polyester; (8±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m²): 290 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 897 (±2); Ngang: 379 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 172 (±2); Ngang: 109 (±2) + Thay đổi K.T sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 - 01 bộ gồm: Quần + áo + mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	6	

STT	Tên hàng hóa	Tên chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
8	Quần áo tiếp đón	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2); + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vốn gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 (có lé màu đỏ vào cổ tay túi) - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	4	
9	Quần áo nhân viên điện nước	- Chất liệu: Kaki - Màu sắc: Màu xanh đen - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (92±1)% Polyester; (8±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 290 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 897 (±2); Ngang: 379 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 172 (±2); Ngang: 109 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 - 01 bộ gồm: Quần + áo + mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	2	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
10	Trang phục dinh dưỡng	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vốn gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 76 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	6	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
11	Quần áo khối vãn phòng hành chính	- Chất liệu: Áo vải Kate Ý. Quần vải kaki - Màu sắc: Màu sắc: Áo màu trắng, quần hoặc váy màu tối. - Tiêu chuẩn vải: - Tiêu chuẩn vải áo: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (32±1)% Visco; (3±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 146 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 606 (±2); Ngang: 341 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 83 (±2); Ngang: 52 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Tiêu chuẩn vải quần hoặc chân váy: + Thành phần nguyên liệu (%): (81±1)% Polyester; (13±1)% Visco; (6±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 246 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 481 (±2); Ngang: 376 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 131 (±2); Ngang: 233 (±2) + Thay đổi K.T sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 3-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần + áo. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	30	
12	Vỏ gói	- Chất liệu: Vải thô - Kích thước: 40x60cm - Màu sắc: Màu trắng - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (88±1)% Polyester; (12±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 172 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 298 (±2); Ngang: 234 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 (±2); Ngang: 49 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: May xung quanh đường may, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo bệnh viện.	Cái	100	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
13	Ruột gối	- Chất liệu: Bông siêu nhẹ - Kích thước: 40x60cm - Màu sắc: Màu trắng	Cái	100	
14	Áo bệnh nhân người lớn (Size 4)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: Kê sọc xanh - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (67±1)% Polyester; (33±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 100 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422 (±2); Ngang: 276 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: Cổ 2 ve, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. In logo bệnh viện.	Cái	50	
15	Quần bệnh nhân người lớn (size 4)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: Kê sọc xanh - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (67±1)% Polyester; (33±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 100 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422 (±2); Ngang: 276 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: Quần kiểu pijama, kéo dây rút, có 1 túi sau. In logo bệnh viện.	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
16	Rèm vải	- Chất liệu: vải thô - Kích thước: 2m x 1,2m- Màu sắc: màu xanh - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (79±1)% Polyester; (15±1)% Visco; (6±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 242 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 481 (±2); Ngang: 364 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 129 (±2); Ngang: 296 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách: May xung quanh đường nếp, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo bệnh viện.	Cái	30	
17	Ga chun khoét lỗ	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 0,9m x 1,95m x 0,05m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m2): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường may, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
18	Ga chun	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 1,5x1,95x 0,05m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m2): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	20	
19	Ga chun	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 2 x 0,5 x 0,1m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m2): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm, 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	5	

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
20	Ga chun	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 1,6 x 0,6 x 0,1 m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m²): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm, 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	5	
21	Vỏ gối	- Chất liệu: Vải thô - Kích thước: 40x60cm - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (88±1)% Polyester; (12±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 173 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 296 (±2); Ngang: 228 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 (±2); Ngang: 43 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: May xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo bệnh viện.	Cái	50	